

Bản án số: 14/2018/HS-PT

Ngày 11-5-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Hồng Thắng

Các Thẩm phán: Ông Hồ Thanh Sơn

Bà Hoàng Thị Minh Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 14/2018/TLPT-HS ngày 28 tháng 02 năm 2018 đối với các bị cáo Chúc Văn N; Chúc Văn T; Chúc Văn L; Chúc Văn P; Chúc Văn L1; Chúc Văn C; Chúc Văn T1; Chúc Văn C1 do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2018/HSST ngày 16 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ tên: Chúc Văn N, sinh ngày 17/7/1988;

Nơi cư trú: Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Chúc Văn E, sinh năm 1960 và bà Lý Thị C2, sinh năm 1960; Vợ: Bàn Thị G, sinh năm 1991; Con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/4/2017, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ tên: Chúc Văn T, sinh ngày 27/3/1989;

Nơi cư trú: Thôn H, xã K, huyện L, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Chúc Văn U (đã chết) và bà Chúc Thị D, sinh năm 1969; Vợ: Bàn Thị N1, sinh năm 1989; Con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/4/2017, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang, *có mặt tại phiên tòa.*

3. Họ tên: Chúc Văn L, sinh ngày 18/8/1990;

Nơi cư trú: Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 2/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Chúc Văn E, sinh năm 1960 và bà Lý Thị C2, sinh năm 1960; Vợ: Bàn Thị X, sinh năm 1991; Con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/4/2017, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang, *có mặt tại phiên tòa.*

4. Họ tên: Chúc Văn T1, sinh ngày 18/9/1985;

Nơi cư trú: Thôn N1, xã K, huyện L, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Chúc Văn E, sinh năm 1960 và bà Lý Thị C2, sinh năm 1960; Vợ: Lý Thị P1, sinh năm 1988; Con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/4/2017, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang, *có mặt tại phiên tòa.*

5. Họ tên: Chúc Văn P, sinh ngày 25/10/1992;

Nơi cư trú: Thôn H, xã K, huyện L, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Chúc Văn U (đã chết) và bà Chúc Thị D, sinh năm 1969; Vợ: Lý Thị M, sinh năm 1995; Con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/4/2017, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang, *có mặt tại phiên tòa.*

6. Họ tên: Chúc Văn L1, sinh ngày 12/9/1982;

Nơi cư trú: Thôn H, xã K, huyện L, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Chúc Văn P, sinh năm 1960 và bà Bàn Thị L, sinh năm 1960; Vợ: Chúc Thị S, sinh năm 1987; Con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/4/2017, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang, có mặt tại phiên tòa

7. Họ tên: Chúc Văn C1, sinh ngày 06/6/1973;

Nơi cư trú: Thôn N3, xã K, huyện L, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Chúc Văn L và bà Lý Thị N (đều đã chết); Vợ: Chúc Thị S, sinh năm 1972; Con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/4/2017, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang, có mặt tại phiên tòa.

8. Họ tên: Chúc Văn C, sinh ngày 16/11/1989;

Nơi cư trú: Thôn N3, xã K, huyện L, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 2/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Chúc Tạ M, sinh năm 1966 và bà Chúc Thị S, sinh năm 1964; Vợ: Chúc Thị T, sinh năm 1995; Con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/4/2017, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang, có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho các bị cáo Chúc Văn T, Chúc Văn N, Chúc Văn L, Chúc Văn C1, Chúc Văn L1*: Ông Nguyễn Văn T-Trợ giúp viên pháp lý của trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tuyên Quang, có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho các bị cáo Chúc Văn T1, Chúc Văn P, Chúc Văn C*: Bà Lại Khoa L -Trợ giúp viên pháp lý của trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tuyên Quang, có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại*: Ban quản lý rừng phòng hộ huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

* *Người đại diện theo pháp luật*: Ông Nguyễn Ngọc Đ, chức vụ: Giám đốc Ban quản lý rừng phòng hộ huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

* *Người đại diện theo ủy quyền*: Ông Tề Minh G, có mặt tại phiên tòa.

* *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Ma Hải T3, sinh năm 1966, có mặt tại phiên tòa.

Nơi cư trú: Thôn L, xã K, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

2. Ông Chúc Văn L3, sinh năm 1981; có mặt tại phiên tòa.

Nơi cư trú: Thôn N4, xã K, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18/01/2017, Chúc Văn N, nơi cư trú Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh Tuyên Quang biết anh Ma Hải T3 người Thôn L, xã K, huyện L có nhu cầu mua gỗ, nên N gọi điện rủ Chúc Văn T nơi cư trú Thôn H, xã K cùng đến gặp anh T3 hỏi việc mua gỗ, biết T3 đang cần mua 08 cột nhà bằng gỗ nghiến, gồm 2 cột dài 6m, 6 cột dài 5m, đường kính từ 20cm đến 22cm. N, T nói có cột nhà bán cho T3 và thỏa thuận giá mỗi cột là 6.000.000đ (sáu triệu đồng). Hai bên thống nhất xong, T3 đưa ứng trước cho N và T số tiền 800.000đ (tám trăm nghìn đồng). Cùng ngày 18/01/2017, Chúc Văn L (cư trú Thôn N, xã K), Chúc Văn L1, Chúc Văn P (cư trú Thôn H, xã K), Chúc Văn T1 (cư trú Thôn N1, xã K) biết việc N và T đi khai thác gỗ nên xin đi cùng, N và T nhất trí.

Sáng ngày 19/01/2017, Chúc Văn N, Chúc Văn T, Chúc Văn L, Chúc Văn L1, Chúc Văn P, Chúc Văn T1 cùng nhau đi khai thác gỗ nghiến và mang theo 01 máy cưa nhãn hiệu Husqvarna (máy cưa của P, L mua chung nhau), 10 lít xăng, 4 lít dầu nhớt, 01 con dao tu chuôi gỗ và đồ dùng tư trang cá nhân đi đến bến đò Bản P thuộc xã K, huyện L, dùng thuyền gỗ của T làm phương tiện di chuyển từ bến đò theo lòng hồ thủy điện Tuyên Quang lên đến rừng phòng hộ Kthuộc xã P, huyện L. Khi đến chân núi thác K cả nhóm phát hiện thấy 01 đoạn gỗ nghiến dài khoảng 5m, đường kính khoảng 40cm mắc cạn tại bãi bồi chân thác, cả nhóm thống nhất sơ chế đoạn gỗ đó. N dùng máy cưa xăng để cưa, cắt đoạn gỗ thì máy cưa xăng bị hỏng, N điện thoại cho Chúc Văn C, cư trú tại Thôn N3, xã K bảo C mang máy cưa xăng đến chân thác K cùng mọi người khai thác gỗ nghiến làm cột nhà bán, C đồng ý và mang máy cưa màu đỏ (không rõ nhãn hiệu) và rủ thêm Chúc Văn C1(là bố vợ C) đi cùng. C1 dùng thuyền của mình cùng C mang máy cưa xăng đi đến khu vực rừng K, đi đến điểm hẹn. Đến nơi T1 tháo lam xích từ máy của P lắp sang máy của C, N, L và P tiếp tục thay nhau sơ chế, những người còn lại giúp lật và kê gỗ. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày thì sơ chế được 01 cây cột gỗ hình trụ dài 4,7 mét, đường kính gốc 20cm, đường kính ngọn 18cm và để lại tại nơi sơ chế. Sau đó mọi người cùng nhau về nghỉ qua đêm ở lều của gia đình C1 ở gần đấy. Tại lều của C1 mọi người bàn bạc tìm cây nghiến sơ chế đủ bộ 08 cột nhà, C1 nói tại rừng phòng hộ thôn T, xã P, huyện L có một cây nghiến đã bị cắt nhưng chưa đổ, nghe C1 nói vậy mọi người thống nhất ngày hôm sau chặt hạ cây gỗ nghiến sơ chế làm cột nhà.

Sáng ngày 20/01/2017, N, T, L, L1, P, T1, C và C1 mang theo máy cưa xăng của C, C1 cầm theo 01 con dao tu cùng xăng dầu, đi bằng thuyền của C1 đến chân núi T. Đến nơi T nhận nhiệm vụ canh gác, 7 người còn lại mang đồ đạc đi bộ theo đường mòn lên khu rừng phòng hộ T, đi được khoảng 400m thì đến vị trí cây nghiến tại lưng chừng núi T, phát hiện

cây nghiêng có đặc điểm gốc có 6 bạnh, 3 bạnh ở phía hướng lên đỉnh núi đã bị cắt lìa, vết cắt cũ. Nguyên nhân do trước đây Chúc Văn D, Chúc Văn B, Chúc Văn T4 dùng máy cưa cắt, quá trình cắt do máy cưa bị hỏng, thân cây rỗng nên không khai thác.

T1, C1 làm giàn giáo phần 3 bạnh chưa bị cắt phía hướng xuống lòng hồ làm chỗ đứng khai thác, N, L, C, L1, P dùng máy cưa thay nhau cắt 3 bạnh gốc còn lại; đến 17 giờ cùng ngày thì dừng lại nghỉ ngơi quay về lều của C1 ngủ. Sáng ngày 21/01/2017 C1 ở lại lều, mọi người đi về. Đến sáng ngày 25/01/2017, biết cây nghiêng đã bị đổ, N cùng mọi người gồm L, T1, T, P, L1, C1 quay lại khu rừng T để tiếp tục sơ chế cây gỗ nghiêng thành dầm cột nhà bán cho T3 như đã thỏa thuận trước đó. Chúc Văn L3 nơi cư trú thôn N, xã K, huyện L biết cả nhóm đi khai thác gỗ nên xin đi cùng, được mọi người đồng ý. Khi đến vị trí cây nghiêng đổ P và L1 nhận nhiệm vụ canh gác, nấu cơm; những người khác gồm N, L, T1, T, C1, L3 dùng 02 máy cưa cùng nhau thực hiện hành vi khai thác và sơ chế được 03 cây cột hình trụ và ăn nghỉ qua đêm tại vị trí khai thác. Sáng ngày 26/01/2017, do bị hết xăng Chúc Văn L3 gọi điện cho Chúc Văn C mang xăng lên để tiếp tục khai thác. Khoảng 09 giờ cùng ngày C mang 05 lít xăng lên đến vị trí khai thác và cùng nhau sơ chế đến khoảng 14 giờ cùng ngày được 04 đoạn hình trụ. Sau khi sơ chế xong Chúc Văn N cùng cả nhóm vận chuyển 07 đoạn gỗ xuống tập kết tại chân lô, sau đó Chúc Văn L liên hệ với Chúc Văn T2 nơi cư trú Thôn H, xã K, huyện L đặt vấn đề thuê thuyền của T2 vận chuyển số cột gỗ đã khai thác về bến Bản P.

Ngày 31/01/2017, N, L, T, T1, P, L1, C, C1 và L3 cùng nhau đi bằng 02 thuyền (của T, C1) lên vận chuyển 08 đoạn gỗ nghiêng(gồm 1 đoạn ở rừng phòng hộ K, 7 đoạn ở rừng phòng hộ T) lên thuyền của T2, T2 điều khiển thuyền của mình vận chuyển số gỗ trên về bến Bản P thuộc xã P, huyện L. Sau đó Chúc Văn T liên hệ thuê xe ô tô biển số 22L - 6184 của Nguyễn Văn L cư trú tại Thôn H, xã K, huyện L chuyển tiếp 08 cột gỗ nghiêng về bán cho Ma Hải T3. Sau khi nhận đủ 8 cột, T3 thanh toán cho N số tiền 47.200.000đ (*bốn mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng*). N trả tiền thuê thuyền cho T2 hết 1.000.000đ (*một triệu đồng*), tiền thuê xe L là 3.700.000đ, số còn lại sau trừ chi phí khai thác, N, L, T, T1, Phin, L1, C1 chia nhau mỗi người được 4.800.000đ; C, L3 mỗi người được chia 3.200.000đ (*ba triệu hai trăm nghìn đồng*).

Ngày 28/3/2017, La Văn L4 cư trú tại xóm 20, xã L, huyện Y(tạm trú tại Thôn N3, xã K) rủ Chúc Văn C, Chúc Văn P1, Chúc Văn Q, Chúc Văn S, Phùng Văn D, đều cư trú tại Thôn N3, xã K đến chỗ cây gỗ nghiêng mà C cùng các đồng phạm khác đã cắt hạ và lấy đi 07 chiếc cột để xẻ thành thanh khuôn cửa bán lấy tiền chi tiêu cá nhân, được mọi người đồng ý. Sáng ngày 29/3/2017, L1, C, P1, Q, D, S mang theo máy cưa xăng đi bằng thuyền của P1 đến chỗ cây nghiêng đổ và sơ chế xẻ được 12 thanh gỗ kích thước trung bình dài 3m x rộng 25cm x dày 7cm. Đến đêm ngày 31/3/2017, khi L1 cùng mọi người đang trên đường vận chuyển 12 thanh gỗ đến bến đò N thì bị Tổ công tác Công an huyện L phát hiện, lập biên bản

vi phạm hành chính và thu giữ được 10 thanh gỗ; còn lại 02 thanh gỗ bị rơi xuống lòng hồ thủy điện, do vậy không thu giữ được.

Quá trình điều tra xác định: Cây gỗ nghiêng do các bị cáo khai thác thuộc nhóm IIA, có khối lượng là 142,528m³, thuộc lô 6, khoảnh 169A, rừng phòng hộ T, xã P, huyện L do Ban quản lý rừng phòng hộ huyện L quản lý.

Đoạn thân gỗ do các bị cáo khai thác là gỗ nghiêng thuộc nhóm IIA, có khối lượng 0,152m³, vị trí khai thác thuộc lô 16, khoảnh 167A, thuộc đối tượng rừng phòng hộ Khuổi Piàng, xã P, huyện L do Ban quản lý rừng phòng hộ huyện L, tỉnh Tuyên Quang quản lý.

Tại kết luận số 01 ngày 17/5/2017, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L xác định giá trị tài sản bị thiệt hại cây gỗ nghiêng có khối lượng 142, 528m³ có giá trị là 1.379.995.000đ.

Tại kết luận số 04/TBKL ngày 26/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L xác định tài sản bị thiệt hại là khúc gỗ nghiêng thuộc nhóm IIA, khối lượng 0,152m³ có giá trị là 1.379.000đ (*Một triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn đồng*).

Như vậy, tổng giá trị thiệt hại cây gỗ nghiêng và khúc gỗ nghiêng là 1.381.374.000đ (*Một tỷ ba trăm tám mươi triệu ba trăm bảy mươi bốn nghìn đồng*).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2018/HSST ngày 16 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Tuyên Quang đã quyết định:

* Tuyên bố: Các bị cáo Chúc Văn N, Chúc Văn L, Chúc Văn T, Chúc Văn T1, Chúc Văn P, Chúc Văn L1, Chúc Văn C1, Chúc Văn C phạm tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng.

* Áp dụng: Khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015. Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội có hiệu lực thi hành từ ngày 05/7/2017.

Xử phạt:

- Bị cáo **Chúc Văn N** 7 năm tù;
- Bị cáo **Chúc Văn T** 7 năm tù;
- Bị cáo **Chúc Văn L** 6 năm 6 tháng tù;
- Bị cáo **Chúc Văn P** 6 năm 6 tháng tù;
- Bị cáo **Chúc Văn L1** 6 năm 6 tháng tù;
- Bị cáo **Chúc Văn C** 6 năm tù;
- Bị cáo **Chúc Văn T1** 6 năm tù;
- Bị cáo **Chúc Văn C1** 6 năm tù;

Thời hạn tù của các bị cáo tính từ ngày các bị cáo bị bắt tạm giam 05/4/2017.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 26/01/2018, các bị cáo Chúc Văn N; Chúc Văn T; Chúc Văn L; Chúc Văn P; Chúc Văn L1; Chúc Văn C; Chúc Văn T1; Chúc Văn C1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm:

Về thủ tục kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ, đúng pháp luật; trình tự, thủ tục giải quyết vụ án đúng tổ tụng. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Chúc Văn N; Chúc Văn T; Chúc Văn L; Chúc Văn P; Chúc Văn L1; Chúc Văn C; Chúc Văn T1; Chúc Văn C1 phạm tội “Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng” là đúng người, đúng tội, đúng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, gia đình các bị cáo xuất trình thêm đơn xin giảm nhẹ hình phạt của vợ các bị cáo được chính quyền địa phương xác nhận, các biên lai nộp tiền truy thu, đây là những tình tiết giảm nhẹ mới cần xem xét giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 cần được xem xét để giảm nhẹ phần nào mức hình phạt cho các bị cáo. Ngoài ra, gia đình các bị cáo còn xuất trình các biên lai nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cần được xem xét ghi nhận. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Tuyên Quang về hình phạt, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo: Xử phạt Bị cáo Chúc Văn N 6 năm 6 tháng tù; Chúc Văn T 6 năm 6 tháng tù; Chúc Văn L 6 năm tù; Chúc Văn P 6 năm tù; Chúc Văn L1 6 năm tù; Chúc Văn C 5 năm 6 tháng tù; Chúc Văn T1 5 năm 6 tháng tù; Chúc Văn C1 5 năm 6 tháng tù.

Cấp sơ thẩm xác định tư cách tham gia tổ tụng đối với Ban quản lý rừng phòng hộ huyện L là Nguyên đơn dân sự là chưa phù hợp, tại phiên tòa Ban quản lý rừng phòng hộ huyện L cũng xác định Ban quản lý rừng phòng hộ huyện L không có yêu cầu, đề nghị gì đối với các bị cáo, nên cần xác định là bị hại mới phù hợp theo quy định tại Điều 62 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Ghi nhận các bị cáo Chúc Văn N; Chúc Văn T; Chúc Văn L; Chúc Văn P; Chúc Văn L1; Chúc Văn C; Chúc Văn T1; Chúc Văn C1 đã nộp tiền truy thu, tiền án phí hình sự sơ thẩm (Khoản tạm thu chờ xử lý) theo các biên lai thu tiền tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Tuyên Quang;

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật.

Các Trợ giúp viên pháp lý: ông Nguyễn Văn T và bà Lại Khoa L có ý kiến: Nhất trí với đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo đều là hộ nghèo, là dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, quá trình điều

tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tại cấp phúc thẩm, gia đình các bị cáo xuất trình các tài liệu: có đơn xin giảm nhẹ hình phạt của vợ các bị cáo được chính quyền địa phương xác nhận, các biên lai nộp tiền truy thu, biên lai nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cần được xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Chúc Văn N; Chúc Văn T; Chúc Văn L; Chúc Văn P; Chúc Văn L1; Chúc Văn C; Chúc Văn T1; Chúc Văn C1 tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Khoảng thời gian tháng 01/2017 các bị cáo Chúc Văn N, Chúc Văn L, Chúc Văn T, Chúc Văn T1, Chúc Văn P, Chúc Văn L1, Chúc Văn C1, Chúc Văn C đã có hành vi khai thác trái phép 01 cây gỗ nghiêng thuộc nhóm IIA, có khối lượng là 142,528m³, thuộc lô 6, khoảnh 169A (bản đồ phân 3 loại rừng 1859), tại rừng phòng hộ T, xã P, huyện L, tỉnh Tuyên Quang; 01 đoạn thân gỗ nghiêng thuộc nhóm IIA, có khối lượng 0,152m³, vị trí khai thác thuộc lô 16, khoảnh 167A, thuộc đối tượng rừng phòng hộ K, xã P, huyện L, tỉnh Tuyên Quang do Ban quản lý rừng phòng hộ huyện L quản lý.

Tổng giá trị thiệt hại cây gỗ nghiêng và khúc gỗ nghiêng là 1.381.374.000đ (*một tỷ ba trăm tám mươi triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng*).

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến việc quản lý và bảo vệ rừng, làm ảnh hưởng đến trật tự quản lý chung của xã hội, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường sống. Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Tuyên Quang đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, xử phạt 07 (bảy) năm tù đối với bị cáo Chúc Văn N; 07 (bảy) năm tù đối với bị cáo Chúc Văn T; 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù đối với bị cáo Chúc Văn L; 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù đối với bị cáo Chúc Văn P; 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù đối với bị cáo Chúc Văn L1; 06 (sáu) năm tù đối với bị cáo Chúc Văn C; 06 (sáu) năm tù đối với bị cáo Chúc Văn T1; 06 (sáu) năm tù đối với bị cáo Chúc Văn C1 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[4] Tại cấp phúc thẩm, gia đình các bị cáo xuất trình thêm đơn xin giảm nhẹ hình phạt của vợ các bị cáo được chính quyền địa phương xác nhận, các biên lai nộp tiền truy thu, đây là những chứng cứ tài liệu mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015

cần được xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Ngoài ra, gia đình các bị cáo còn xuất trình các biên lai nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cần được xem xét cho các bị cáo.

Đối với đề nghị của Kiểm sát viên và các trợ giúp viên pháp lý có căn cứ cần được xem xét chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử triệu tập thêm Ma Hải T3 và Chúc Văn L3 để xem xét làm rõ thêm hành vi có liên quan, không đủ căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự, hành vi của T3 và L3 đã bị xử lý hành chính là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Tại cấp phúc thẩm các bị cáo xuất trình các biên lai thu tiền tạm thu chờ xử lý, cụ thể:

Bị cáo Chúc Văn N nộp 4.800.000đ (*bốn triệu tám trăm nghìn đồng*) tiền truy thu theo Biên lai số 0000937, ngày 03 tháng 5 năm 2018 và 200.000đ tiền tạm thu chờ xử lý theo biên lai số 002398 ngày 29/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Tuyên Quang;

Bị cáo Chúc Văn T đã nộp 4.800.000đ (*bốn triệu tám trăm nghìn đồng*) tiền truy thu theo Biên lai số 0000921 và 200.000đ tiền tạm thu theo Biên lai số 0000930 ngày 03 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Tuyên Quang;

Bị cáo Chúc Văn L đã nộp 4.800.000đ (*bốn triệu tám trăm nghìn đồng*) tiền truy thu theo Biên lai số 0000923, ngày 02 tháng 5 năm 2018 và 200.000đ tiền tạm thu chờ xử lý theo biên lai số 0000934 ngày 03/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Tuyên Quang;

Bị cáo Chúc Văn P đã nộp 4.800.000đ (*bốn triệu tám trăm nghìn đồng*) tiền truy thu theo Biên lai số 0000925 và 200.000đ tiền tạm thu theo Biên lai số 0000927, ngày 03 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Tuyên Quang;

Bị cáo Chúc Văn L1 đã nộp 4.800.000đ (*bốn triệu tám trăm nghìn đồng*) tiền truy thu theo Biên lai số 0000926, ngày 03 tháng 5 năm 2018 và 200.000đ tiền tạm thu chờ xử lý theo biên lai số 002395 ngày 23/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Tuyên Quang;

Bị cáo Chúc Văn C đã nộp 3.200.000đ (*ba triệu hai trăm nghìn đồng*) tiền truy thu theo Biên lai số 0000935 ngày 03 tháng 5 năm 2018 và 200.000đ tiền tạm thu chờ xử lý theo biên lai số 0000910 ngày 05/02/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Tuyên Quang;

Bị cáo Chúc Văn T1 nộp 4.800.000đ (*bốn triệu tám trăm nghìn đồng*) tiền truy thu theo Biên lai số 0000922 ngày 02/5/2018, ngày 03 tháng 5 năm 2018 và 200.000đ tiền tạm thu chờ xử lý theo biên lai số 0000910 ngày 29/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Tuyên Quang;

Bị cáo Chúc Văn C1 đã nộp 4.800.000đ (bốn triệu tám trăm nghìn đồng) tiền truy thu theo Biên lai số 0000936 ngày 03/5/2018 và 200.000đ tiền tạm thu chờ xử lý theo biên lai số 0000911 ngày 05/02/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Tuyên Quang;

[7] Về xác định tư cách tham gia tố tụng đối với Ban quản lý rừng phòng hộ huyện L là Nguyên đơn dân sự là chưa phù hợp, tại phiên tòa Ban quản lý rừng phòng hộ huyện L cũng xác định Ban quản lý rừng phòng hộ huyện L không có yêu cầu, đề nghị gì đối với các bị cáo, nên cần xác định là bị hại cho phù hợp theo quy định tại Điều 62 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

[8] Các bị cáo Chúc Văn N; Chúc Văn T; Chúc Văn L; Chúc Văn P; Chúc Văn L1; Chúc Văn C; Chúc Văn T1; Chúc Văn C1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Chúc Văn N; Chúc Văn T; Chúc Văn L; Chúc Văn P; Chúc Văn L1; Chúc Văn C; Chúc Văn T1; Chúc Văn C1, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 01/2018/HSST ngày 16 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Tuyên Quang về hình phạt như sau:

Áp dụng: Khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015. Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội có hiệu lực thi hành từ ngày 05/7/2017.

Xử phạt:

- Bị cáo **Chúc Văn N** 06 năm 06 tháng tù về tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 05/4/2017;

- Bị cáo **Chúc Văn T** 06 năm 06 tháng tù về tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 05/4/2017;

- Bị cáo **Chúc Văn L** 06 năm tù về tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 05/4/2017;

- Bị cáo **Chúc Văn P** 06 năm tù về tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 05/4/2017;

- Bị cáo **Chúc Văn L1** 06 năm tù về tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 05/4/2017;

- Bị cáo **Chúc Văn C** 05 năm 06 tháng tù về tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 05/4/2017

- Bị cáo **Chúc Văn T1** 05 năm 06 tháng tù về tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 05/4/2017;

- Bị cáo **Chúc Văn C1** 05 năm 06 tháng tù về tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 05/4/2017.

Ghi nhận bị cáo Chúc Văn N đã nộp 4.800.000đ (*bốn triệu tám trăm nghìn đồng*) tiền truy thu theo Biên lai số 0000937 và 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai số 002398 ngày 29/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Tuyên Quang;

Ghi nhận bị cáo Chúc Văn T đã nộp 4.800.000đ (*bốn triệu tám trăm nghìn đồng*) tiền truy thu theo Biên lai số 0000921 và 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai số 0000930, ngày 03 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Tuyên Quang;

Ghi nhận bị cáo Chúc Văn L đã nộp 4.800.000đ (*bốn triệu tám trăm nghìn đồng*) tiền truy thu theo Biên lai số 0000923, ngày 02 tháng 5 năm 2018 và 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai số 0000934 ngày 03/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Tuyên Quang;

Ghi nhận bị cáo Chúc Văn P đã nộp 4.800.000đ (*bốn triệu tám trăm nghìn đồng*) tiền truy thu theo Biên lai số 0000925 và 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm, theo Biên lai số 0000927, ngày 03 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Tuyên Quang;

Ghi nhận bị cáo Chúc Văn L1 đã nộp 4.800.000đ (*bốn triệu tám trăm nghìn đồng*) tiền truy thu theo Biên lai số 0000926, ngày 03 tháng 5 năm 2018 và 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai số 002395 ngày 23/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Tuyên Quang;

Ghi nhận bị cáo Chúc Văn C đã nộp 3.200.000đ (*ba triệu hai trăm nghìn đồng*) tiền truy thu theo Biên lai số 0000935 ngày 03 tháng 5 năm 2018 và 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai số 0000910 ngày 05/02/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Tuyên Quang;

Ghi nhận bị cáo Chúc Văn T1 đã nộp 4.800.000đ (*bốn triệu tám trăm nghìn đồng*) tiền truy thu theo Biên lai số 0000922 ngày 02/5/2018 và 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai số 0000910 ngày 29/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Tuyên Quang;

Ghi nhận bị cáo Chúc Văn C1 đã nộp 4.800.000đ (*bốn triệu tám trăm nghìn đồng*) tiền truy thu, theo Biên lai số 0000936 ngày 03/5/2018 và 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai số 0000911 ngày 05/02/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Tuyên Quang;

Các bị cáo Chúc Văn N; Chúc Văn T; Chúc Văn L; Chúc Văn P; Chúc Văn L1; Chúc Văn C; Chúc Văn T1; Chúc Văn C1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh T.Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện L;
- VKSND huyện L;
- Công an huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ma Hồng Thắng